

Ninh Bình, ngày 31 tháng 3 năm 2022

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2022**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ

*Sở Giáo dục và Đào tạo công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I của các đơn vị trực thuộc và Văn phòng Sở như sau:*

ĐV tính: Nghìn đồng

| Số TT | Nội dung                                                   | Dự toán năm | Ước thực hiện quý I năm 2022 | Ước thực hiện/Dự toán quý I (tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý I nay so với cùng kỳ năm trước |
|-------|------------------------------------------------------------|-------------|------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------------------|
| 1     | 2                                                          | 3           | 4                            | 5                                     | 6                                                |
| A     | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí (Không có)     |             |                              |                                       |                                                  |
| B     | Dự toán chi ngân sách nhà nước                             |             |                              |                                       |                                                  |
| I     | Nguồn ngân sách trong nước                                 | 339.200.156 | 80.372.342                   | 23,7                                  | 97,8%                                            |
|       | Văn phòng Sở GD&ĐT                                         | 41.383.156  | 9.771.395                    | 23,6                                  |                                                  |
| 1     | Chi quản lý hành chính                                     | 9.385.000   | 1.994.397                    | 21,3                                  |                                                  |
| 1.1   | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                           | 9.129.000   | 1.987.757                    | 21,8                                  |                                                  |
| 1.2   | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                     | 256.000     | 6.640                        | 2,6                                   |                                                  |
| 2     | Sự nghiệp chi chung                                        | 31.998.156  | 7.776.998                    | 24,3                                  |                                                  |
| 2.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                             | 535.000     | 0                            | 0,0                                   |                                                  |
| 2.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                       | 31.463.156  | 7.776.998                    | 24,7                                  |                                                  |
| 3     | Chương trình MT, nhiệm khác                                | 0           | 0                            | 0,0                                   |                                                  |
| 3.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                             |             | 0                            | 0,0                                   |                                                  |
| 3.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                       | 0           | 0                            | 0,0                                   |                                                  |
| 4     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo (các đơn vị trực thuộc Sở) | 297.817.000 | 70.600.947                   | 23,7                                  |                                                  |
| 4.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                             | 0           | 0                            |                                       |                                                  |
| 4.2   | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                    | 297.817.000 | 70.600.947                   | 23,7                                  |                                                  |

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

Đinh Thị Thu Hà

Trần Thị Việt Hoa



PHÓ GIÁM ĐỐC

BÙI THỊ KHUYÊN